TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1991 (có mặt)
HKTT: Tổ 8 ấp N xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Địa chỉ: Tổ 9, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Duy L, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Trịnh Duy L quen biết nhau vào năm 2008, sau đó phát sinh tình cảm, quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 quyển số 01/2009 ngày 14 tháng 9 năm 2009. Hôn nhân giữa bà và ông L là hoàn toàn tự nguyện.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông L bất đồng về quan điểm sống, ông L không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ đó tình cảm giữa ông bà ngày càng phai nhạt. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc hôn nhân nhưng không có kết quả. Bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Sau khi ly thân cả hai không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có hai người con chung là cháu Trịnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2014 và cháu Trịnh Duy P, sinh ngày 09/4/2010. Hiện cháu N đang ở với bà, cháu P đang ở với ông L. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Đối với bị đơn: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông L để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông L vẫn vắng mặt không có lí do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Duy L và giải quyết vấn đề về con chung giữa bà và ông L. Do vậy xác định vụ việc trên thuộc quan hệ về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trịnh Duy L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ hai lần các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S:

- Về yêu cầu xin ly hôn: Bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Duy L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà S và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà S thì bà và ông L chung sống được thời gian 05 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ năm 2014 cho đến nay bà S sống ly thân với ông L.

Xét trong mỗi gia đình thì vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng đối với bà S và ông L thì do mâu thuẫn nên cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông L nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử với mục đích tạo điều kiện cho bà S và ông L quay về chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng ông L đã không có mặt, điều đó thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà S và ông L đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà S là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về con chung: Bà S và ông L có hai người con chung là cháu Trịnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2014, hiện đang ở với bà S và cháu Trịnh Duy P, sinh ngày 09/4/2010, hiện đang ở với ông L. Bà S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu P cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà S và ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con của bà S thì bà là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Như. Ông L nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết được yêu cầu của bà S về vấn đề con chung nhưng không có ý kiến gì. Do đó yêu cầu của bà S về vấn đề con chung và cấp dưỡng là có cơ sở,

phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với ông L khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã không có ý kiến gì về việc này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Trịnh Duy L được ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2014. Ông Trịnh Duy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Duy P, sinh ngày 09/4/2010 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ông L và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Duy L và bà Nguyễn Thị S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí là lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007513 ngày 15/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy bà S đã nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét

xử phúc thẩm (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND xã S, TP.V;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thương